TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/DS-ST
Ngày 10 – 4 – 2025
V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh Trọn
2. Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Cái Nước B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H1, sinh ngày 10/10/1965 và ông Võ Văn H2, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Cái Nước B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (bà H1 vắng mặt, ông H2 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Võ Ngọc H (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 19/3/2023 âm lịch (âl), bà mở dây hụi 2.000.000 đồng, hụi hưởng hoa hồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 19 hàng tháng, dây hụi có 34 chân, vợ chồng ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị H1 (Huỳnh Thị H1) tham gia chơi 02 chân. Quá trình mở hụi có lập danh sách hụi và giao cho mỗi hụi viên giữ 01 bản, nhưng không có đăng ký với chính quyền địa phương. Trong thời gian giao dịch ở kỳ khui hụi thứ nhất (nhằm ngày 19/3/2023 âl), vợ chồng ông H2 hốt 01 chân hụi và đến kỳ thứ 5 (nhằm ngày 19/7/2023 âl), vợ chồng ông H2 tiếp tục hốt chân hụi thứ 2. Cả hai chân hụi, vợ chồng ông H2 hốt bà đã chung hụi đầy đủ nhưng sau khi hốt hụi, vợ chồng ông H2 chỉ đóng hụi chết đến ngày 29/6/2024 (âl) thì ngưng đóng cho đến nay, hiện dây hụi trên tính đến ngày hụi mãn (ngày 19/12/2025 âm lịch), vợ chồng ông H2 còn nợ lại hụi chết chưa đóng với số tiền 74.000.000 đồng/02 chân nên bà H yêu cầu vợ chồng ông H2 có trách nhiệm trả một lần hết số tiền hụi

còn nợ với số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng). Ngoài ra, bà H không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 02/4/2025, ông Võ Văn H2 (bị đơn) trình bày:

Ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị H1 là vợ chồng. Ông H2 thừa nhận vào năm 2023, vợ chồng ông có tham gia chơi hụi của bà Võ Ngọc H và hiện còn nợ bà H số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) nên đồng ý trả số tiền nợ trên cho bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn, ông H2 xin trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án. Đồng thời, ông H2 nộp đơn yêu cầu xin miễn nộp tiền án phí do ông là người cao tuổi.

Đối với bà Huỳnh Thị H1 là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng bà H1 không đến Toà cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc H (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn Huỳnh Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, riêng bị đơn Võ Văn H2 đã có ý kiến và xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu vắng mặt của ông H2 và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hụi. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hụi, tuy nguyên đơn có lập danh sách hụi viên nhưng không đăng ký với chính quyền địa phương và trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ song vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng giữa bà H1 với ông H2 là vợ chồng, ông H2 đã có ý kiến thừa nhận việc vợ chồng cùng tham gia chơi hụi của nguyên đơn và còn nợ hụi chết của nguyên đơn tính đến ngày hụi mãn với số tiền 74.000.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ tính đến khi mãn hụi là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu số tiền 3.700.000 đồng nên ông H2 và bà H1, mỗi người phải nộp số tiền 1.850.000 đồng. Do ông H2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên xét miễn án phí cho ông H2 còn bà H1 phải nộp.

Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc H.

Buộc ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị H1 trả cho bà Võ Ngọc H số tiền là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án ông Võ Văn H2, bà Huỳnh Thị H1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Võ Văn H2 là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Bà Huỳnh Thị H1 phải nộp số tiền án phí là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Võ Ngọc H không phải chịu. Ngày 03/01/2025, bà H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm chục nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003718 được trả lại toàn bộ cho bà H.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân